

Số: 71/QĐ-UBND

Lộc Sơn, ngày 12 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành, áp dụng tài liệu Hệ thống Quản lý chất lượng  
theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LỘC SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xây dựng, áp dụng, công bố, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và hoạt động kiểm tra tại các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ xác nhận của Chủ tịch UBND xã về việc Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng có hiệu lực;*

*Theo đề nghị Thư ký ISO của UBND xã Lộc Sơn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành các tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại UBND xã Lộc Sơn theo Danh mục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

**Điều 3.** Ban Chỉ đạo ISO, Công chức Văn phòng - Thống kê UBND xã, các công chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng HĐND – UBND huyện;
- Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện;
- TT. Đảng ủy, HĐND xã;
- TT. UBMTTQVN xã;
- Chủ tịch và các PCT UBND xã;
- Các ban, ngành, đoàn thể xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, BCĐ ISO.

**CHỦ TỊCH**

**Đỗ Ngọc Lành**

**DANH MỤC**  
**DANH MỤC TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**  
**THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023*  
*của Chủ tịch UBND xã Lộc Sơn)*

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>CÁC TÀI LIỆU, QUY TRÌNH HƯỚNG DẪN HTQLCL</b>			
1.	Sổ tay chất lượng	STCL	Thư ký ISO và các CC chuyên môn	
2.	Chính sách chất lượng	CSCL		
3.	Mục tiêu chất lượng	MTCL		
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản	H57.33.56-01/HT		
5.	Quy trình đánh giá nội bộ	H57.33.56-02/HT		
6.	Quy trình quản lý rủi ro	H57.33.56-03/HT		
7.	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp, hành động khắc phục và cải tiến	H57.33.56-04/HT		
<b>II</b>	<b>CÁC QUI TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>			
	<b>Lĩnh vực Hộ tịch: 23 TTHC (18 QT 1 cửa và 05 QT liên thông)</b>			
1.	Quy trình Đăng ký khai sinh	H57.33.56-01/TTHC		
2.	Quy trình Đăng ký kết hôn	H57.33.56-02/TTHC		
3.	Quy trình Đăng ký nhận cha, mẹ, con	H57.33.56-03/TTHC		
4.	Quy trình Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	H57.33.56-04/TTHC		
5.	Quy trình đăng ký khai sinh lưu động	H57.33.56-05/TTHC		
6.	Quy trình đăng ký kết hôn lưu động	H57.33.56-06/TTHC		
7.	Quy trình đăng ký khai tử lưu động	H57.33.56-07/TTHC		
8.	Quy trình Đăng ký khai tử	H57.33.56-08/TTHC		

9.	Quy trình Đăng ký giám hộ	H57.33.56-09/TTHC		
10.	Quy trình Đăng ký chấm dứt giám hộ	H57.33.56-10/TTHC		
11.	Quy trình Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	H57.33.56-11/TTHC		
12.	Quy trình Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	H57.33.56-12/TTHC		
13.	Quy trình Đăng ký lại khai sinh	H57.33.56-13/TTHC		
14.	Quy trình Đăng ký lại kết hôn	H57.33.56-14/TTHC		
15.	Quy trình Đăng ký lại khai tử	H57.33.56-14/TTHC		
16.	Quy trình Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	H57.33.56-16/TTHC		
17.	Quy trình Cấp bản sao trích lục hộ tịch	H57.33.56-17/TTHC		
18.	Quy trình Xác nhận thông tin hộ tịch	H57.33.56-18/TTHC		
19.	Quy trình Liên thông TTHC về Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	H57.33.56-19/TTHC		
20.	Quy trình Liên thông TTHC về Đăng ký khai sinh, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	H57.33.56-20/TTHC		
21.	Quy trình Liên thông 3 TTHC về khai tử, xóa thường trú, hưởng chế độ tử tuất/mai táng phí	H57.33.56-21/TTHC		
22.	Quy trình Liên thông 2 TTHC về khai tử, xóa thường trú	H57.33.56-22/TTHC		
23.	Quy trình Liên thông 2 TTHC về khai tử, hưởng chế độ tử tuất/mai táng phí	H57.33.56-23/TTHC		
<b>Lĩnh vực Nuôi con nuôi: 03 TTHC (03 QT 1 cửa)</b>				
24.	Quy trình Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	H57.33.56-24/TTHC		
25.	Quy trình Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	H57.33.56-25/TTHC		
26.	Quy trình Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	H57.33.56-26/TTHC		
<b>Lĩnh vực Chứng thực: 11 TTHC (11 QT một cửa)</b>				
27.	Quy trình Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	H57.33.56-27/TTHC		
28.	Quy trình Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	H57.33.56-28/TTHC		
29.	Quy trình Chứng thực bản sao từ bản	H57.33.56-29/TTHC		

	chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận			
30.	Quy trình Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	H57.33.56-30/TTHC		
31.	Quy trình Chứng thực văn bản khai nhận di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	H57.33.56-31/TTHC		
32.	Quy trình Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	H57.33.56-32/TTHC		
33.	Quy trình Chứng thực di chúc	H57.33.56-33/TTHC		
34.	Quy trình Chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	H57.33.56-34/TTHC		
35.	Quy trình Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	H57.33.56-35/TTHC		
36.	Quy trình Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản	H57.33.56-36/TTHC		
37.	Quy trình Cấp bản sao từ sổ gốc	H57.33.56-37/TTHC		
<b>Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật: 02 TTHC (02 QT một cửa)</b>				
38.	Quy trình Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	H57.33.56-38/TTHC		
39.	Quy trình Cho miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật	H57.33.56-39/TTHC		
<b>Lĩnh vực Hòa giải cơ sở: 04 TTHC (04 QT một cửa)</b>				
40.	Quy trình Công nhận hòa giải viên	H57.33.56-40/TTHC		
41.	Quy trình Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	H57.33.56-41/TTHC		
42.	Quy trình Thôi làm hòa giải viên	H57.33.56-42/TTHC		
43.	Quy trình Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	H57.33.56-43/TTHC		
<b>Lĩnh vực Bồi thường nhà nước : 01 TTHC (01 QT một cửa)</b>				
44.	Quy trình Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	H57.33.56-44/TTHC		
<b>Lĩnh vực bảo trợ xã hội: 16 TTHC (08 QT một cửa; 08 QT một cửa liên thông)</b>				
45.	Quy trình Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	H57.33.56-45/TTHC		
46.	Quy trình Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	H57.33.56-46/TTHC		

47.	Quy trình Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	H57.33.56-47/TTHC		
48.	Quy trình Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	H57.33.56-48/TTHC		
49.	Quy trình Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	H57.33.56-49/TTHC		
50.	Quy trình Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	H57.33.56-50/TTHC		
51.	Quy trình Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	H57.33.56-51/TTHC		
52.	Quy trình Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	H57.33.56-52/TTHC		
53.	Quy trình Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, huyện	H57.33.56-53/TTHC		
54.	Quy trình Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, huyện	H57.33.56-54/TTHC		
55.	Quy trình Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	H57.33.56-55/TTHC		
56.	Quy trình Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	H57.33.56-56/TTHC		
57.	Quy trình Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	H57.33.56-57/TTHC		
58.	Quy trình Hỗ trợ chi phí mai táng	H57.33.56-58/TTHC		

	cho đối tượng bảo trợ xã hội			
59.	Quy trình Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	H57.33.56-59/TTHC		
60.	Quy trình Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	H57.33.56-60/TTHC		
<b>Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em: 06 TTHC (06 QT một cửa)</b>				
61.	Quy trình Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	H57.33.56-61/TTHC		
62.	Quy trình Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	H57.33.56-62/TTHC		
63.	Quy trình Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.	H57.33.56-63/TTHC		
64.	Quy trình Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc, thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	H57.33.56-64/TTHC		
65.	Quy trình Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	H57.33.56-65/TTHC		
66.	Quy trình Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc, thay thế	H57.33.56-66/TTHC		
<b>Lĩnh vực người có công: 25 TTHC (01 QT một cửa; 24 QT một cửa liên thông)</b>				
67.	Quy trình Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	H57.33.56-67/TTHC		
68.	Quy trình Giải quyết chế độ mai táng phí đối với Cựu chiến binh	H57.33.56-68/TTHC		
69.	Quy trình Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	H57.33.56-69/TTHC		
70.	Quy trình Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang Lào, Campuchia	H57.33.56-70/TTHC		
71.	Quy trình Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	H57.33.56-71/TTHC		

72.	Quy trình Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	H57.33.56-72/TTHC		
73.	Quy trình Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	H57.33.56-73/TTHC		
74.	Quy trình Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	H57.33.56-74/TTHC		
75.	Quy trình Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	H57.33.56-75/TTHC		
76.	Quy trình Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	H57.33.56-76/TTHC		
77.	Quy trình Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	H57.33.56-77/TTHC		
78.	Quy trình Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	H57.33.56-78/TTHC		
79.	Quy trình Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	H57.33.56-79/TTHC		
80.	Quy trình Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động – TB&XH quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	H57.33.56-80/TTHC		
81.	Quy trình Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	H57.33.56-81/TTHC		
82.	Quy trình Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	H57.33.56-82/TTHC		
83.	Quy trình Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	H57.33.56-83/TTHC		
84.	Quy trình Công nhận và Giải quyết chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất	H57.33.56-84/TTHC		

	độc hóa học			
85.	Quy trình Công nhận và Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	H57.33.56-85/TTHC		
86.	Quy trình Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sỹ	H57.33.56-86/TTHC		
87.	Quy trình Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	H57.33.56-87/TTHC		
88.	Quy trình Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	H57.33.56-88/TTHC		
89.	Quy trình Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	H57.33.56-89/TTHC		
90.	Quy trình Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	H57.33.56-90/TTHC		
<b>Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội: 04 TTHC (03 QT một cửa; 01 QT một cửa liên thông)</b>				
91.	Quy trình Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	H57.33.56-91/TTHC		
92.	Quy trình Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng	H57.33.56-92/TTHC		
93.	Quy trình Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	H57.33.56-93/TTHC		
94.	Quy trình Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	H57.33.56-94/TTHC		
<b>Lĩnh vực đất đai: 23 TTHC (02 QT một cửa; 21 QT một cửa liên thông)</b>				



95.	Quy trình Hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã	H57.33.56-95/TTHC		
96.	Quy trình Cung cấp dữ liệu thông tin đất đai	H57.33.56-96/TTHC		
97.	Quy trình Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	H57.33.56-97/TTHC		
98.	Quy trình Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	H57.33.56-98/TTHC		
99.	Quy trình Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	H57.33.56-99/TTHC		
100.	Quy trình Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	H57.33.56-100/TTHC		
101.	Quy trình Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	H57.33.56-101/TTHC		
102.	Quy trình Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	H57.33.56-102/TTHC		
103.	Quy trình Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	H57.33.56-103/TTHC		
104.	Quy trình Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	H57.33.56-104/TTHC		
105.	Quy trình Đăng ký, cấp Giấy	H57.33.56-105/TTHC		

	chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất			
106.	Quy trình Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	H57.33.56-106/TTHC		
107.	Quy trình Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	H57.33.56-107/TTHC		
108.	Quy trình Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận.	H57.33.56-108/TTHC		
109.	Quy trình Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc	H57.33.56-109/TTHC		

	phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp			
110.	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	H57.33.56-110/TTHC		
111.	Quy trình Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	H57.33.56-111/TTHC		
112.	Quy trình Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	H57.33.56-112/TTHC		
113.	Quy trình Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	H57.33.56-113/TTHC		
114.	Quy trình Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	H57.33.56-114/TTHC		
115.	Quy trình Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	H57.33.56-115/TTHC		
116.	Quy trình Định chính Giấy chứng nhận đã cấp	H57.33.56-116/TTHC		
117.	Quy trình Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	H57.33.56-117/TTHC		
<b>Lĩnh vực Nông nghiệp: 01TTHC (01QT một cửa)</b>				
118.	Quy trình Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	H57.33.56-118/TTHC		
<b>Lĩnh vực Thủy lợi: 03 TTHC (03 QT một cửa)</b>				
119.	Quy trình Hỗ trợ đầu tư, xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương phân bổ	H57.33.56-119/TTHC		

	cho UBND cấp xã thực hiện)			
120.	Quy trình Thẩm định, phê duyệt ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	H57.33.56-120/TTHC		
121.	Quy trình Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền UBND cấp xã	H57.33.56-121/TTHC		
<b>Lĩnh vực Tôn giáo, tín ngưỡng: 10 TTHC (10 QT một cửa)</b>				
122.	Quy trình Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	H57.33.56-122/TTHC		
123.	Quy trình Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	H57.33.56-123/TTHC		
124.	Quy trình Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	H57.33.56-124/TTHC		
125.	Quy trình Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	H57.33.56-125/TTHC		
126.	Quy trình Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	H57.33.56-126/TTHC		
127.	Quy trình Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	H57.33.56-127/TTHC		
128.	Quy trình Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	H57.33.56-128/TTHC		
129.	Quy trình Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	H57.33.56-129/TTHC		
130.	Quy trình Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	H57.33.56-130/TTHC		
131.	Quy trình Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	H57.33.56-131/TTHC		
<b>Lĩnh vực Thi đua khen thưởng: 04 TTHVC (04 QT một cửa )</b>				

132.	Quy trình Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	H57.33.56-132/TTHC		
133.	Quy trình Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề	H57.33.56-133/TTHC		
134.	Quy trình Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	H57.33.56-134/TTHC		
135.	Quy trình Xét tặng danh hiệu lao động tiên tiến	H57.33.56-135/TTHC		
<b>Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo: 05 TTHC (05 QT một cửa)</b>				
136.	Quy trình Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	H57.33.56-136/TTHC		
137.	Quy trình Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	H57.33.56-137/TTHC		
138.	Quy trình Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	H57.33.56-138/TTHC		
139.	Quy trình Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	H57.33.56-139/TTHC		
140.	Quy trình Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	H57.33.56-140/TTHC		
<b>Lĩnh vực Y tế: 01 TTHC (01 QT một cửa)</b>				
141.	Quy trình Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	H57.33.56-141/TTHC		
<b>Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao: 04 TTHC (04 QT một cửa)</b>				
142.	Quy trình Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	H57.33.56-142/TTHC		
143.	Quy trình Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	H57.33.56-143/TTHC		
144.	Quy trình Thông báo tổ chức lễ hội	H57.33.56-144/TTHC		
145.	Quy trình Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	H57.33.56-145/TTHC		
<b>Lĩnh vực Thư viện: 03 TTHC (03 QT một cửa)</b>				

146.	Quy trình Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	H57.33.56-146/TTHC		
147.	Quy trình Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	H57.33.56-147/TTHC		
148.	Quy trình Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	H57.33.56-148/TTHC		
<b>Lĩnh vực thành lập tổ hợp tác: 03 TTHVC (03 QT một cửa)</b>				
149.	Quy trình Thông báo thành lập tổ hợp tác	H57.33.56-149/TTHC		
150.	Quy trình Thông báo thay đổi Tổ hợp tác	H57.33.56-150/TTHC		
151.	Quy trình Thông báo chấm dứt hoạt động của Tổ hợp tác	H57.33.56-151/TTHC		
<b>Lĩnh vực Phòng chống thiên tai: 05 TTHC (05 QT một cửa)</b>				
152.	Quy trình Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	H57.33.56-152/TTHC		
153.	Quy trình Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	H57.33.56-153/TTHC		
154.	Quy trình Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	H57.33.56-154/TTHC		
155.	Quy trình Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	H57.33.56-155/TTHC		
156.	Quy trình Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.	H57.33.56-156/TTHC		
<b>Lĩnh vực Giải quyết tố cáo: 01 TTHC (01 QT một cửa)</b>				
157.	Quy trình Thủ tục giải quyết tố cáo	H57.33.56-157/TTHC		
<b>Lĩnh vực Khiếu nại: 01 TTHC (01 QT một cửa)</b>				

158.	Quy trình Thủ tục Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	H57.33.56-158/TTHC		
<b>Lĩnh vực Tiếp công dân: 01 TTHC (01 QT một cửa)</b>				
159.	Quy trình Tiếp công dân tại cấp xã	H57.33.56-159/TTHC		
<b>Lĩnh vực Xử lý đơn thư: 01 TTHC (01 QT một cửa)</b>				
160.	Quy trình Xử lý đơn tại cấp xã	H57.33.56-160/TTHC		
<b>Lĩnh vực Trồng trọt: 01 TTHC (01 QT một cửa)</b>				
161.	Quy trình Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	H57.33.56-161/TTHC		
<b>Lĩnh vực Chính quyền địa phương: 01 TTHC (01 QT một cửa liên thông)</b>				
162.	Quy trình thăm định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới	H57.33.56-162/TTHC		
<b>Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng: 01 TTHC (01 QT một cửa liên thông)</b>				
163.	Quy trình Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền UBND cấp xã	H57.33.56-163/TTHC		
<b>Lĩnh vực Khoa học công nghệ và Môi trường: 01 TTHC (01 QT một cửa)</b>				
164.	Quy trình Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	H57.33.56-164/TTHC		
<b>Lĩnh vực Môi trường: 02 TTHC (02 QT một cửa)</b>				
165.	Quy trình Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường.	H57.33.56-165/TTHC		
166.	Quy trình Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	H57.33.56-166/TTHC		
<b>Lĩnh vực Phí Bảo vệ môi trường: 01 TTHC (01 QT một cửa)</b>				
167.	Quy trình Kê khai, thăm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	H57.33.56-167/TTHC		
<b>Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn: 01 TTHC (01 QT một cửa liên thông)</b>				
168.	Quy trình Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	H57.33.56-168/TTHC		
<b>Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng: 03 TTHC (03 QT một cửa)</b>				
169.	Quy trình kê khai tài sản, thu nhập	H57.33.56-169/TTHC		
170.	Quy trình tiếp nhận yêu cầu giải trình	H57.33.56-170/TTHC		
171.	Quy trình thực hiện việc giải trình	H57.33.56-171/TTHC		
<b>Lĩnh vực Quân sự : 14 TTHC</b>				
172.	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu	H57.33.56-172/TTHC		
173.	Thủ tục đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị	H57.33.56-173/TTHC		
174.	Thủ tục Đăng ký nghĩa vụ quân sự	H57.33.56-174/TTHC		

	bổ sung			
175.	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	H57.33.56-175/TTHC		
176.	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	H57.33.56-176/TTHC		
177.	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng	H57.33.56-177/TTHC		
178.	Thủ tục đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến.	H57.33.56-178/TTHC		
<b>Lĩnh vực Chính sách (Quân sự)</b>				
179.	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/04/2000.	H57.33.56-179/TTHC		
180.	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	H57.33.56-180/TTHC		
181.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc ( <i>đối tượng từ trần</i> )	H57.33.56-181/TTHC		
<b>Lĩnh vực Dân quân tự vệ (Quân sự)</b>				
182.	Trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết	H57.33.56-182/TTHC		



183.	Trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết.	H57.33.56-183/TTHC		
	<b>Lĩnh vực Động viên Quân đội</b>			
184.	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội ( <i>chủ phương tiện là cá nhân</i> )	H57.33.56-184/TTHC		
185.	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội ( <i>chủ phương tiện là cá nhân</i> )	H57.33.56-185/TTHC		
<b>II</b>	<b>QUI TRÌNH KIỂM SOÁT CÔNG VIỆC NỘI BỘ, QUI TRÌNH KHÁC</b>			
1.	Quy trình đăng ký, xây dựng chương trình công tác	H57.33.56-01/NB		
2.	Quy trình Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	H57.33.56-02/NB		
3.	Quy trình Quản lý văn bản đến	H57.33.56-03/NB		
4.	Quy trình Quản lý văn bản đi	H57.33.56-04/NB		
5.	Quy trình Thanh toán	H57.33.56-05/NB		
6.	Quy trình Quản lý tài sản	H57.33.56-06/NB		
7.	Quy trình Đăng ký sử dụng tài sản	H57.33.56-07/NB		
8.	Quy trình mua sắm, bảo trì, sửa chữa tài sản	H57.33.56-08/NB		
9.	Quy trình lập hồ sơ hiện hành và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan	H57.33.56-09/NB		
10.	Quy trình họp giao ban	H57.33.56-10/NB		
11.	Quy trình tổ chức Hội nghị, hội thảo	H57.33.56-11/NB		
12.	Quy trình Xin nghỉ phép	H57.33.56-12/NB		
13.	Quy trình phối hợp giữa các đơn vị để giải quyết công việc nội bộ cơ quan	H57.33.56-13/NB		
14.	Quy trình Xét thi đua – Khen thưởng	H57.33.56-14/NB		
15.	Quy trình Hỗ trợ công dân, tổ chức hoàn thiện hồ sơ	H57.33.56-15/NB		
16.	Quy trình Xử lý kiến nghị, vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành	H57.33.56-16/NB		

	chính			
17.	Quy trình Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp)	H57.33.56-17/NB		
18.	Quy trình Yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ (trực tiếp)	H57.33.56-18/NB		
19.	Quy trình Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến)	H57.33.56-19/NB		
20.	Quy trình Yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ (trực tuyến)	H57.33.56-20/NB		
21.	Quy trình Thu phí, lệ phí	H57.33.56-21/NB		
22.	Quy trình Số hóa thành phần hồ sơ	H57.33.56-22/NB		
23.	Quy trình Yêu cầu bổ sung nội dung hồ sơ (trực tiếp)	H57.33.56-23/NB		
24.	Quy trình Yêu cầu bổ sung nội dung hồ sơ (trực tuyến)	H57.33.56-24/NB		
25.	Quy trình Yêu cầu gia hạn thời gian giải quyết hồ sơ	H57.33.56-25/NB		
26.	Quy trình Yêu cầu xác minh hồ sơ	H57.33.56-26/NB		
27.	Quy trình Yêu cầu thu phí, lệ phí bổ sung	H57.33.56-27/NB		
28.	Quy trình Trả kết quả giải quyết TTHC (trực tiếp)	H57.33.56-28/NB		
29.	Quy trình Trả kết quả giải quyết TTHC (trực tuyến mức độ 3)	H57.33.56-29/NB		
30.	Quy trình Trả kết quả giải quyết TTHC (trực tuyến mức độ 4)	H57.33.56-30/NB		
31.	Quy trình Trả hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết	H57.33.56-31/NB		
32.	Quy trình Giám sát công tác tiếp nhận hồ sơ trực tiếp	H57.33.56-32/NB		
33.	Quy trình Giám sát công tác tiếp nhận hồ sơ trực tuyến	H57.33.56-33/NB		
34.	Quy trình Giám sát công tác tiếp nhận hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích	H57.33.56-34/NB		
35.	Quy trình Giám sát công tác xử lý hồ sơ	H57.33.56-35/NB		
36.	Quy trình Giám sát trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (trực tiếp)	H57.33.56-36/NB		
37.	Quy trình Giám sát trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (trực tuyến)	H57.33.56-37/NB		
38.	Quy trình Phối hợp bưu chính công ích trong nhận, chuyển hồ sơ giải	H57.33.56-38/NB		

	quyết TTHC			
39.	Quy trình Phối hợp bưu chính công ích trong nhận, chuyển kết quả giải quyết TTHC	H57.33.56-39/NB		
40.	Quy trình Đánh giá mức độ hài lòng về giải quyết thủ tục hành chính	H57.33.56-40/NB		